

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 – 45

TRÁI
AI
(S)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty mẹ") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty mẹ và công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty mẹ đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 3703000219 ngày 27 tháng 9 năm 2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3 số 4200237973 ngày 22 tháng 12 năm 2009; và
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 4200237973 ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Văn phòng và nhà máy của Công ty mẹ đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: (0258) 3727 243
Fax: (0258) 3727 227
Email: detnhatrang@dng.vnn.vn
Website: <http://www.detnhatrang.com.vn>

Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Địa chỉ

Cửa hàng Centex	12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	54 Tôn Thất Tùng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh tại TP. Hà Nội	378 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. Hiện chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất các loại bông, xơ, sợi;
- Sản xuất các loại vải;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng may mặc;
- Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất máy móc thiết bị; vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may;
- Sản xuất hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may;
- Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép;
- Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may;
- Mua bán các loại bông xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành dệt may;
- Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý, mua bán ký gửi hàng hóa.

3001
CƠ
CHM
KIỂM
C VI
- TP.

Thông tin chung (tiếp theo)

- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch;
- Nhà hàng;
- Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; và
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

2. Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Phạm Xuân Trinh	Chủ tịch	22/04/2016
Ông Võ Đình Hùng	Ủy viên/ Tổng Giám đốc	22/04/2016
Ông Trần Văn Việt	Ủy viên	22/04/2016

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Chiêm Yến Nhi	Trưởng ban	22/04/2016
Bà Lê Thị Tú Anh	Ủy viên	22/04/2016
Ông Nguyễn Hồng Nhân	Ủy viên	22/04/2016

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Võ Đình Hùng	Tổng Giám đốc	09/06/2014	
Ông Lê Quang Diệu	Phó Tổng Giám đốc	06/07/2006	
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc điều hành	10/05/2017	
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Giám đốc điều hành	27/06/2016	
Bà Đinh Thị Ngọc Dung	Giám đốc điều hành	17/03/2016	27/02/2017
Ông Phan Kiệt	Giám đốc điều hành	01/01/2012	

Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Hồ Đặng Như Duyên	Kế toán trưởng	01/07/2011

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Võ Đình Hùng (bổ nhiệm ngày 09/06/2014).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. Công bố các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2017



Số: 132/2017/BCSXHN-HCM 00562

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang và công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chú ý là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



TRANG ĐẶC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2782-2014-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		640.807.195.872	570.788.301.807
Nợ ngắn hạn	310		450.925.144.706	409.361.310.052
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	93.543.449.381	113.365.896.803
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74.916.140	40.391.197
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.513.572.125	4.059.932.530
Phải trả người lao động	314		7.868.364.682	17.015.170.903
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	4.027.909.504	2.628.335.927
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	18.419.502.881	4.519.730.355
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	322.494.098.576	265.362.213.330
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.18	1.983.331.417	2.369.639.007
Nợ dài hạn	330		189.882.051.166	161.426.991.755
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	2.338.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	187.544.051.166	161.426.991.755
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.891.060.696	226.717.183.832
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	208.891.060.696	226.717.183.832
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185.000.000.000	185.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.000.000.000	185.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.030.000.000	2.030.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.015.663.659	22.015.663.659
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25.059.795)	17.612.600.914
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.889.754.496)	(1.200.196.387)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.864.694.701	18.812.797.301
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(129.543.168)	58.919.259
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		849.698.256.568	797.505.485.639

hlak

HOÀNG THỊ ÁI KHANH
Người lập biểu

naun

HỒ ĐẶNG NHƯ DUYÊN
Kế toán trưởng



VŨ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		424.189.336.764	522.485.088.504
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1.1	424.189.336.764	522.485.088.504
Giá vốn hàng bán	11	6.2	410.736.709.597	495.871.410.158
Lợi nhuận gộp	20		13.452.627.167	26.613.678.346
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	926.589.761	2.356.045.555
Chi phí tài chính	22	6.4	8.414.197.644	8.212.916.634
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		7.744.005.607	7.897.835.556
Phân lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	3.527.336.826	5.253.356.164
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	17.058.492.197	16.715.875.409
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(14.620.809.739)	(1.212.424.306)
Thu nhập khác	31	6.7	16.738.234.599	4.816.886.989
Chi phí khác	32	6.8	341.059	1.866.825
Lợi nhuận khác	40		16.737.893.540	4.815.020.164
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.117.083.801	3.602.595.858
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	394.632.721	558.959.653
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		46.218.806	46.218.818
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.676.232.274	2.997.417.387
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.864.694.701	3.261.622.446
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(188.462.427)	(264.205.059)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	96	163

hlake

HOÀNG THỊ ÁI KHANH
Người lập biểu

namuy

HỒ ĐẶNG NHƯ DUYÊN
Kế toán trưởng



VŨ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.117.083.801	3.602.595.858
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.998.540.445	10.812.084.969
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(251.811.795)	72.379.420
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.851.590.835)	(1.526.078.211)
Chi phí lãi vay	06	7.744.005.607	7.897.835.556
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	15.756.227.223	20.858.817.592
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.049.713.969)	59.969.799.416
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(71.494.955.284)	11.062.695.744
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	21.446.561.839	(164.771.791.560)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(1.510.172.067)	(5.410.756.177)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.783.603.095)	(9.183.793.424)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.996.162.929)	(388.564.744)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.394.450.000)	(1.398.323.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(51.026.268.282)	(89.261.916.153)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(28.912.829.584)	(3.292.183.528)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	2.173.627.273	2.177.727.273
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	200.000.000	1.600.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.536.482.586	1.490.935.703
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.002.719.725)	1.976.479.448
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	459.672.759.166	524.696.048.358
Tiền trả nợ gốc vay	34	(375.750.961.863)	(412.701.668.315)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(514.999.998)	(515.099.998)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.485.223.000)	(24.018.228.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	75.921.574.305	87.461.051.245
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(107.413.702)	175.614.540
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	3.689.241.665	3.832.989.160
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	74.002.912	36.062
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	3.655.830.875	4.008.639.762

hlak

HOÀNG THỊ ÁI KHANH
Người lập biểu

nam

HỒ ĐẠNG NHƯ DUYÊN
Kế toán trưởng



VŨ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty mẹ đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 3703000219 ngày 27 tháng 9 năm 2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3 số 4200237973 ngày 22 tháng 12 năm 2009; và
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 4200237973 ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Văn phòng và nhà máy của Công ty mẹ đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: (0258) 3727 243
Fax: (0258) 3727 227
Email: detnhatrang@dng.vn.vn
Website: <http://www.detnhatrang.com.vn>

Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Địa chỉ

Cửa hàng Centex	12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	54 Tôn Thất Tùng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh tại TP. Hà Nội	378 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. Hiện chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất các loại bông, xơ, sợi;
- Sản xuất các loại vải;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng may mặc;
- Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất máy móc thiết bị; vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may;
- Sản xuất hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Thông tin chung (tiếp theo)

- Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép;
- Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành dệt may;
- Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý, mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch;
- Nhà hàng;
- Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; và
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn có 01 công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4201220884 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của KPI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 34.000.000.000 VND, trong đó Công ty đăng ký góp 20.000.000.000 VND (tương đương 58,82% vốn điều lệ).

Trụ sở chính của KPI đặt tại số 12 Nguyễn Gia Thiệu, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính của KPI: kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn và kinh doanh bất động sản.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 2.118 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.434 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần số hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng ký hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Tỷ giá mua tại ngày 30/06/2017 là 22.690 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Tỷ giá mua tại ngày 30/06/2017 là 22.690 VND/USD.

Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Tỷ giá bán tại ngày 30/06/2017 là 22.770 VND/USD, 26.224 VND/EUR.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

004
CỔ
ĐHN
KIẾU
C V
- 75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa, chi phí khác

Chi phí sửa chữa, chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 20 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Máy móc thiết bị	15 năm
------------------	--------

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

11-2/2017

C. T. I. N. H. H. M. S. D.

C. T. I. N. H. H. H. H. M. S. D.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, công hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.19 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú

Công ty cổ phần Dệt Đông Nam

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Trà

(trước là Công ty cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà)

Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú

Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú

Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Vinatex")

Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Quan hệ

Công ty mẹ

Cùng công ty mẹ

Cùng công ty mẹ

Công ty liên kết của công ty mẹ

Công ty liên kết của công ty mẹ

Công ty mẹ của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú

Cổ đông

Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	154.785.474	108.224.817
Tiền gửi ngân hàng - VND	2.734.535.196	2.310.826.919
Tiền gửi ngân hàng - USD	766.436.431	1.170.121.578
Tiền gửi ngân hàng - EUR	73.774	68.351
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng - VND	-	100.000.000
	3.655.830.875	3.689.241.665

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
USD	33.778,60	766.436.431
EUR	2,86	73.774

5.2 Phải thu khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	74.899.928.598	45.049.901.850
Công ty cổ phần Dệt Đông Nam	30.025.777.499	-
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	7.115.220.988	10.115.220.988
Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Trà	864.902.256	864.902.256
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú	-	427.420.473
Phải thu các khách hàng khác		
Sanmar Corporation	3.541.241.914	7.749.094.950
Các khách hàng khác	2.521.425.635	43.516.471.036
	118.968.494.890	107.723.011.553

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là 158.177,70 USD tương đương 3.589.052.013 VND.

5.2.2 Phải thu dài hạn của khách hàng

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú – Phải thu tiền bán tài sản	80.526.818.222	80.526.818.222
	80.526.818.222	80.526.818.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	1.295.667.704	11.339.707.298
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	14.937.399.901	44.963.177.401
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Trần Thị Khương	1.250.000.000	1.250.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.278.022.183	7.098.903.144
	18.761.089.788	64.651.787.843

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư trả trước cho người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 12.281,81 EUR tương đương 305.994.456 VND.

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phạt vi phạm hợp đồng	9.814.968.333	-	7.891.843.333	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Công ty cổ phần Phát triển nhà và đô thị HUD Nha Trang – Cổ tức phải thu	-	-	1.000.000.000	-
Phải thu chờ xử lý	3.000.718.763	-	15.500.718.763	-
Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ thuê tài chính	241.893.944	-	241.893.944	-
Tạm ứng nhân viên	494.198.092	-	161.474.092	-
Phải thu khác	2.140.878.634	-	39.402.409	-
	15.692.657.766	-	24.835.332.541	-

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Lãi ký quỹ	5.391.906	-	5.391.906	-
	5.391.906	-	5.391.906	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	30/06/2017		Thời gian quá hạn	01/01/2017	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan						
- Phải thu tiền bán hàng Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Trà	Trên 3 năm	864.902.256	(864.902.256)	Trên 3 năm	864.902.256	(864.902.256)
Các tổ chức và cá nhân khác						
- Phải thu tiền bán hàng Công ty cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Trên 3 năm	787.538.760	(787.538.760)	Trên 3 năm	787.538.760	(787.538.760)
Các tổ chức, cá nhân khác	Trên 3 năm	336.175.538	(336.175.538)	Trên 3 năm	336.175.538	(336.175.538)
		1.988.616.554	(1.988.616.554)		1.988.616.554	(1.988.616.554)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.988.616.554	1.988.616.554
Trích lập dự phòng	-	-
Số dư cuối kỳ	1.988.616.554	1.988.616.554

5.6 Hàng tồn kho

	Giá trị VND	30/06/2017 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2017 Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	138.806.974	-
Nguyên liệu, vật liệu	59.519.350.586	-	43.602.070.719	-
Công cụ, dụng cụ	35.257.219	-	36.022.219	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ngắn hạn	49.563.156.360	-	57.363.701.418	-
Thành phẩm	133.727.324.761	-	70.385.747.359	-
Hàng hóa	40.444.543	-	40.444.543	-
Hàng gửi đi bán	1.027.466.037	-	1.097.277.890	-
	243.912.999.506	-	172.664.071.122	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí đồng phục	715.987.246	67.111.291
Chi phí công cụ, dụng cụ	73.065.635	172.763.843
Chi phí sửa chữa	91.507.994	156.721.258
Chi phí vận chuyển	250.051.900	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	793.382.275	141.365.199
	1.923.995.050	537.961.591

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	1.444.988.077	1.872.339.577
Tiền thuê đất trả trước	4.895.869.438	5.136.649.900
Chi phí sửa chữa	459.503.787	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	634.434.262	301.667.479
	7.434.795.564	7.310.656.956

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	81.805.644.823	381.796.139.398	15.172.384.203	2.525.355.506	108.960.000	481.408.483.930
Mua sắm trong kỳ	334.692.727	4.414.524.869	309.936.182	-	-	5.059.153.778
Tăng từ XDCB dở dang	-	1.609.511.950	-	-	-	1.609.511.950
Thanh lý	-	(16.872.086.475)	(560.821.251)	-	-	(17.432.907.726)
Tại ngày 30/06/2017	82.140.337.550	370.948.089.742	14.921.499.134	2.525.355.506	108.960.000	470.644.241.932
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	45.911.817.396	306.382.985.184	10.167.930.193	1.967.043.585	59.928.000	363.489.704.358
Khấu hao trong kỳ	2.573.586.416	5.662.981.763	492.285.380	79.486.874	5.448.000	8.813.788.433
Thanh lý	-	(16.759.467.451)	(560.821.251)	-	-	(17.320.288.702)
Tại ngày 30/06/2017	48.485.403.812	294.286.499.496	10.099.394.322	2.046.530.459	65.376.000	354.983.204.089
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	35.893.827.427	76.413.154.214	5.004.454.010	558.311.921	49.032.000	117.918.779.572
Tại ngày 30/06/2017	33.654.933.738	76.661.590.246	4.822.104.812	478.825.047	43.584.000	115.661.037.843
Trong đó:						
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng						
Tại ngày 01/01/2017	239.685.312	226.246.535.222	5.489.191.994	892.749.867	-	232.868.162.395
Tại ngày 30/06/2017	239.685.312	221.681.546.181	5.057.191.492	1.283.947.474	-	228.262.370.459
- Giá trị còn lại của TSCĐ cầm cố thế chấp tại ngày 30/06/2017						
	22.891.650.363	41.679.860.966	1.979.698.612	5.056.712	-	66.555.266.653

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vinh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2017	5.542.560.188	5.542.560.188
Tăng trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2017	5.542.560.188	5.542.560.188
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2017	1.077.720.072	1.077.720.072
Khấu hao trong kỳ	184.752.012	184.752.012
Tại ngày 30/06/2017	1.262.472.084	1.262.472.084
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	4.464.840.116	4.464.840.116
Tại ngày 30/06/2017	4.280.088.104	4.280.088.104

Chi tiết hợp đồng thuê tài chính

Khoản thuê tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ("VCB Leasing") theo Hợp đồng cho thuê số 69.13.10/CTTC ngày 11/12/2013.

Tổng giá trị thuê:	5.886.045.000 VND (bao gồm thuế GTGT).
Tài sản thuê:	4 bộ máy nhuộm đồng bộ chính hãng Fongs.
Thời hạn thuê:	48 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 22/01/2018.
Lãi suất thuê:	9,4%/năm. Lãi suất thuê tài chính áp dụng tại thời điểm giải ngân lần đầu và các năm thay đổi lãi suất thuê tài chính cơ bản bằng VND do VCB Leasing công bố cộng biên độ giao động 0,2%/tháng.
Mục đích thuê:	phục vụ sản xuất kinh doanh.
VCB Leasing cam kết sẽ bán lại tài sản thuê cho Công ty mẹ sau khi kết thúc thời hạn thuê hoặc thanh toán toàn bộ số tiền thuê trước hạn với giá tương trưng (đánh nghĩa).	

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2017 VND	Chi phí phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ VND	Kết chuyển giảm khác VND	30/06/2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang					
Công trình nhà máy sản xuất vải dệt kim	201.089.598.925	25.715.053.093	-	(7.883.000)	226.796.769.018
Các công trình khác	1.603.011.950	1.713.750.591	(1.609.511.950)	(12.180.000)	1.695.070.591
	202.692.610.875	27.428.803.684	(1.609.511.950)	(20.063.000)	228.491.839.609

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Bông Tây Nguyên	266.915.000	-	(*)	266.915.000	-	(*)
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	954.810.000	-	(*)	954.810.000	-	(*)
Công ty cổ phần Phát triển nhà và đô thị HUD Nha Trang	10.000.000.000	-	(*)	10.000.000.000	-	(*)
	11.221.725.000	-		11.221.725.000	-	

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

- Cam kết của Tập đoàn về góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày kết thúc kỳ tài chính 30/06/2017:

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Tập đoàn		
		Vốn cam kết góp VND	Vốn đã góp đến 30/06/2017 VND	Vốn chưa góp đến 30/06/2017 VND
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	20.000.000.000	1.500.000.000	954.810.000	545.190.000
	20.000.000.000	1.500.000.000	954.810.000	545.190.000

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	01/01/2017	Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	30/06/2017
	VND	VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ:</i>			
Chi phí trích trước – công cụ dụng cụ mua của Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đồng Phương	53.921.916	(46.218.810)	7.703.110
Khấu hao TSCĐ mua của Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đồng Phương	24.806.155	-	24.806.155
	78.728.071	(46.218.810)	32.509.265

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	49.928.910.383	49.928.910.383	71.273.143.379	71.273.143.379
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	8.035.114.225	8.035.114.225	6.009.650.962	6.009.650.962
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH MTV Dệt May 7	16.885.976.846	16.885.976.846	18.909.246.110	18.909.246.110
Các nhà cung cấp khác	18.693.447.927	18.693.447.927	17.173.856.352	17.173.856.352
	93.543.449.381	93.543.449.381	113.365.896.803	113.365.896.803

Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư phải trả người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
USD	191,73	4.365.692
EUR	4.741,05	123.959.493

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2017	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	189.344.166	1.114.719.507	7.275.574.938	(6.956.663.154)	156.343.155	1.420.630.280
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	24.536.427	(24.536.427)	-	-
Thuế TNDN	-	2.818.572.465	394.632.721	(2.996.162.929)	-	217.042.257
Thuế thu nhập cá nhân	3.800.994	126.640.558	544.315.439	(810.854.099)	161.256.579	17.557.483
Thuế tài nguyên	-	-	32.760.000	(32.760.000)	-	-
Tiền thuế đất, thuế đất	-	-	952.264.208	(93.922.103)	-	858.342.105
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
	173.145.160	4.059.932.530	9.231.083.733	(10.921.898.712)	317.599.734	2.513.572.125

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

- Xuất khẩu	0%
- Bông thô chưa qua chế biến	Không chịu thuế
- Bông phé	5%
- Các sản phẩm, dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được ước tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.117.083.801	3.602.595.858
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	457.996.297	856.946.450
Chi phí không được trừ	341.059	215.305.256
Lỗi tại công ty con	457.655.238	641.641.194
Các khoản điều chỉnh giảm	(601.916.494)	(1.664.744.043)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(500.000.000)	(1.427.000.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	(101.916.494)	(6.650.000)
Chênh lệch tạm thời	-	(231.094.043)
Tổng thu nhập chịu thuế	1.973.163.604	2.794.798.265
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông	394.632.721	558.959.653
Chi phí thuế TNDN hiện hành	394.632.721	558.959.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
12 Nguyễn Gia Thiệu, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	62.640 VND/m ² /năm
54 Tôn Thất Tùng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	990.000 VND/m ² /năm
Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	8.640 VND/m ² /năm

Theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt giá đất tính tiền thuê đất đối với phần diện tích đất Tập đoàn chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần tại xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, diện tích 40.967,7 m², giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thời hạn thuê đất từ 15/03/2016 đến 29/08/2027 là 131.671 VND/m².

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú – lãi thuê tài sản phải trả	3.492.581.578	1.878.265.588
<i>Phải trả các bên khác</i>		
Chi phí lãi vay phải trả	321.432.712	361.030.200
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	213.895.214	389.040.139
	4.027.909.504	2.628.335.927

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú – cổ tức phải trả	9.614.375.000	-
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú – cổ tức phải trả	124.232.000	-
<i>Phải trả các bên khác</i>		
Kinh phí công đoàn	1.380.743.230	1.255.379.872
Bảo hiểm xã hội	3.574.660.713	829.238.380
Bảo hiểm y tế	1.846.248.425	1.892.556.040
Bảo hiểm thất nghiệp	446.323.104	423.742.154
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	29.500.000
Cổ tức phải trả	1.295.670.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	97.250.409	89.313.909
	18.419.502.881	4.519.730.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Giá trị VND	30/06/2017		01/01/2017	
		Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
Các tổ chức và cá nhân khác					
Vay ngắn hạn ngân hàng					
• VCB Khánh Hòa – VND (a)	177.855.548.582	177.855.548.582	171.572.342.347	171.572.342.347	
• VCB Khánh Hòa – USD (a)	37.426.525.290	37.426.525.290	-	-	
• MB Khánh Hòa – VND (b)	-	-	14.658.061.726	14.658.061.726	
• MB Khánh Hòa – USD (b)	29.385.356.260	29.385.356.260	9.726.954.240	9.726.954.240	
• BIDV Khánh Hòa – VND (c)	25.050.874.922	39.585.402.634	39.585.402.634	39.585.402.634	
• BIDV Khánh Hòa – USD (c)	4.257.950.804	4.257.950.804	-	-	
• Vietinbank Khánh Hòa – VND (d)	45.972.275.720	45.972.275.720	14.206.607.148	14.206.607.148	
• HSBC Việt Nam – VND	-	-	10.690.945.239	10.690.945.239	
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 5.17.2)	2.545.566.998	2.545.566.998	4.921.899.996	4.921.899.996	
	322.494.098.576	322.494.098.576	265.362.213.330	265.362.213.330	

Thông tin chi tiết về từng khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

(a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa ("VCB Khánh Hòa")

Hợp đồng hạn mức: Số 2016/HĐHM-DM ngày 09/12/2016.

Hạn mức: 270.000.000.000 VND.

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng vay.

Lãi suất: Đối với khoản vay VND là 5,3 đến 5,5%/năm; đối với khoản vay USD là 2,5 đến 2,6%/năm.

Lãi suất vay cố định trong thời hạn vay, được xác định trong từng thời năm và ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai: Nhà máy dệt kim tại Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa và một số tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty.

Số dư nợ vay ngắn hạn VCB Khánh Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 177.855.548.582 VND và 1.643.677,00 USD tương đương 37.426.525.290 VND.

(b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa ("MB Khánh Hòa")

Hợp đồng hạn mức: Số 49192.16.800.697393.TD ngày 30/09/2016.

Hạn mức: 80.000.000.000 VND hoặc tương đương bằng USD.

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/07/2017.

Lãi suất: Lãi suất áp dụng cho từng khoản vay được quy định cụ thể trên kế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng.

Tài sản đảm bảo: Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty bao gồm thành phẩm và các vật tư, phụ liệu; tài sản cố định hữu hình của Công ty là 2 máy đánh ống tự động Murata và 6 xe ô tô; và giá trị cổ phiếu Công ty cổ phần Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang thuộc sở hữu Công ty.

Số dư nợ vay ngắn hạn MB Khánh Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.290.529,48 USD tương đương 29.385.356.260 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(c) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa ("BIDV Khánh Hòa")

Hợp đồng hạn mức: Số 01/2016/4774139/HĐTĐ ngày 10/10/2016
 Hạn mức: 100.000.000.000 VND.
 Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.
 Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
 Lãi suất: Đối với vay VND là 5,3 đến 5,7%/năm; đối với khoản vay USD. Lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của BIDV Khánh Hòa trong từng thời năm.

Tài sản đảm bảo: Máy móc thiết bị nhà máy sợi 1, sợi 2 và nhà máy may 4 và 9 xe ô tô; quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại 12 Nguyễn Gia Thiều, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa và Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Số dư nợ vay ngắn hạn BIDV Khánh Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 25.050.874.922 VND và 187.000,00 USD tương đương 4.257.950.804 VND.

(d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa ("Vietinbank Khánh Hòa")

Hợp đồng hạn mức: Số 30/2017-HĐCVHM/NHCT580/KHDN ngày 15/03/2017
 Hạn mức: 50.000.000.000 VND.
 Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.
 Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 15/03/2018.
 Lãi suất: 5,3%/năm.

Lãi suất cho vay thông thường theo thông báo của Ngân hàng từng thời kỳ.

Tài sản đảm bảo: Thế chấp các khoản phải thu có giá trị tối thiểu 60 tỷ VND.

Số dư nợ vay ngắn hạn Vietinbank Khánh Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 45.972.275.720 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ:

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số tiền vay VND	Thanh toán trong kỳ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 30/06/2017 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	260.440.313.334	431.721.747.399	(372.113.236.185)	(100.292.970)	319.948.531.578
Vay dài hạn đến hạn trả	3.892.000.000	-	(1.861.333.000)	-	2.030.667.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.029.899.996	-	(514.999.998)	-	514.899.998
	265.362.213.330	431.721.747.399	(374.489.569.183)	(100.292.970)	322.494.098.576

04
 CÔNG
 NH
 EM
 VI
 TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Giá trị	30/06/2017	Giá trị	01/01/2017
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn ngân hàng				
• VCB Khánh Hòa – VND (a)	108.225.459.461	108.225.459.461	81.662.447.694	81.662.447.694
• VCB Khánh Hòa – USD (a)	76.370.091.356	76.370.091.356	77.610.710.712	77.610.710.712
• BIDV Khánh Hòa – VND (b)	3.960.000.000	3.960.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000
• An Bình Khánh Hòa – VND (c)	933.334.000	933.334.000	744.000.000	744.000.000
Nợ thuê tài chính				
• VCB Leasing (d)	600.733.347	600.733.347	1.115.733.345	1.115.733.345
	190.089.618.164	190.089.618.164	165.972.891.751	165.972.891.751
Nợ dài hạn đến hạn trả				
• An Bình Khánh Hòa – VND	(282.667.000)	(282.667.000)	(376.000.000)	(376.000.000)
• VCB Khánh Hòa – VND	(868.000.000)	(868.000.000)	(1.756.000.000)	(1.756.000.000)
• BIDV Khánh Hòa – VND	(880.000.000)	(880.000.000)	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
• VCB Leasing – VND	(514.899.998)	(514.899.998)	(1.029.899.996)	(1.029.899.996)
	(2.545.566.998)	(2.545.566.998)	(4.921.899.996)	(4.921.899.996)
	187.544.051.166	187.544.051.166	161.426.991.755	161.426.991.755

Thông tin chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa ("VCB Khánh Hòa"), bao gồm:

Hợp đồng hạn mức số 0115/DA-DM ngày 14/03/2015.

Hạn mức: 165.000,00 USD.

Mục đích: Bổ sung vốn thanh toán tiền nhập khẩu 15 máy dệt kim phẳng.

Thời hạn vay: 48 tháng.

Lãi suất: 9,3%/năm.

Lãi suất vay thả nổi và được xác định theo thông báo công bố lãi suất của VCB Khánh Hòa tại từng thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh định năm 03 tháng/lần.

Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp 15 máy dệt kim phẳng KH-323DJ-60x14G mới 100% trị giá 235.500,00 USD tương đương 5.000.000.000 VND.

Hợp đồng hạn mức số 0214/DA-DM ngày 01/10/2014

Hạn mức: 3.000.000.000 VND.

Mục đích: Hoàn 1 phần vốn đã thanh toán mua 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm.

Thời hạn vay: 48 tháng.

Lãi suất: 10,7%/năm.

Lãi suất vay thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn tương ứng với từng loại tiền nhận nợ theo thông báo công bố lãi suất của VCB Khánh Hòa tại từng thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh định năm 03 tháng/lần.

Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm trị giá 4.077.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Hợp đồng hạn mức số 2015/DA-DM ngày 07/09/2015.

Hạn mức: 230.000.000.000 VND.

Mục đích: Thanh toán chi phí thực hiện dự án "Đầu tư Nhà máy sản xuất vải dệt kim" tại Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm thời gian ân hạn không thu nợ gốc 18 tháng.

Lãi suất: Đối với khoản vay VND là 8,0%/năm.

Đối với khoản vay USD là 3,0%/năm.

Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án "Đầu tư Nhà máy sản xuất vải dệt kim" gồm toàn bộ máy móc và toàn bộ tài sản trên đất hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án "Đầu tư Nhà máy sản xuất vải dệt kim" tại Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- VND		108.225.459.481
- USD	3.353.978,54	76.370.091.356
		184.595.550.817

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa ("BIDV Khánh Hòa");

Hợp đồng hạn mức số 01/2015/4774139/HĐTĐ ngày 30/06/2015

Hạn mức: 6.447.000.000 VND.

Mục đích: Đầu tư quy hoạch nhà máy may 2 và nhà máy may 4 theo LEAN

Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất: 7,8%/năm.

Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay; máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ thuộc nhà máy may 4 – giai đoạn 1 và 2 xe ô tô.

Số dư nợ vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 4.840.000.000 VND.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Khánh Hòa ("An Bình Khánh Hòa");

Hợp đồng tín dụng số 5359/16/TD/VII ngày 21/12/2016

Hạn mức: 1.120.000.000 VND.

Mục đích: Mua máy móc thiết bị.

Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất: 8%/năm

Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp máy lọc xơ ngoại lai, xuất xứ Đức.

Số dư nợ vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.120.000.000 VND.

(d) Khoản thuê tài chính tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ("VCB Leasing")

Tổng giá trị thuê: 5.886.045.000 VND (bao gồm thuế GTGT).

Tài sản thuê: 4 bộ máy nhuộm đồng bộ chính hãng Fongs.

Thời hạn thuê: 48 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 22/01/2018.

Lãi suất thuê: 9,8%/năm.

Lãi suất thuê tài chính áp dụng tại thời điểm giải ngân lần đầu và các năm thay đổi lãi suất thuê tài chính cơ bản bằng VND do VCB Leasing công bố cộng biên độ giao động 0,2%/tháng.

Mục đích thuê: Phục vụ sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 30/06/2017			
Vay dài hạn ngân hàng	189.488.884.817	2.030.687.000	187.458.217.817
Nợ thuê tài chính	600.733.347	514.899.998	85.833.349
	190.089.618.164	2.545.566.998	187.544.051.166
Tại ngày 01/01/2017			
Vay dài hạn ngân hàng	165.233.158.406	3.892.000.000	161.341.158.406
Nợ thuê tài chính	1.115.733.345	1.029.899.996	85.833.349
	166.348.891.751	4.921.899.996	161.426.991.755

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Cộng VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 30/06/2017			
Tiền gốc phải trả	600.733.347	514.899.998	85.833.349
Lãi thuê phải trả	20.047.807	19.323.469	724.338
	620.781.154	534.223.467	86.557.687
Tại ngày 01/01/2017			
Tiền gốc phải trả	1.115.733.345	1.029.899.996	85.833.349
Lãi thuê phải trả	111.594.779	110.870.441	724.338
	1.227.328.124	1.140.770.437	86.557.687

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số tiền vay VND	Thanh toán trong kỳ VND	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại VND	Tại ngày 30/06/2017 VND
Vay dài hạn ngân hàng	161.341.158.406	27.951.011.767	(1.776.392.678)	(57.559.678)	187.458.217.817
Nợ thuê tài chính	85.833.349	-	-	-	85.833.349
	161.426.991.755	27.951.011.767	(1.776.392.678)	(57.559.678)	187.544.051.166

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	1.150.800.376	1.218.838.631	2.369.639.007
Trích lập trong kỳ	403.677.705	403.677.705	807.355.410
Tặng khác	-	5.787.000	5.787.000
Chi quỹ trong kỳ	(732.030.000)	(467.420.000)	(1.199.450.000)
Tại ngày 30/06/2017	822.448.081	1.160.883.336	1.983.331.417

5.19 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú – tiền trả trước về cho thuê quyền sử dụng đất	2.338.000.000	-
	2.338.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.20 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	30.817.714.752	541.680.275	240.405.058.686
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2016	-	-	-	3.261.622.446	(264.205.059)	2.997.417.387
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.127.911.139)	-	(2.127.911.139)
Thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(290.000.000)	-	(290.000.000)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	(29.600.000.000)	-	(29.600.000.000)
Tại ngày 30/06/2016	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	2.061.426.059	277.475.216	211.384.564.934
Lãi trong 6 tháng cuối năm 2016	-	-	-	15.551.174.855	(218.555.957)	15.332.618.898
Tại ngày 01/01/2017	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	17.612.600.914	58.919.259	226.717.183.832
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2017	-	-	-	1.864.694.701	(188.462.427)	1.676.232.274
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(807.355.410)	-	(807.355.410)
Thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(195.000.000)	-	(195.000.000)
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(18.500.000.000)	-	(18.500.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	(25.059.795)	(129.543.168)	208.891.060.696

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200237973 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp:

Vốn điều lệ:	185.000.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	18.500.000	cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND

Trong đó:

Cổ đông	30/06/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	96.143.750.000	51,97	96.143.750.000	51,97
Các cổ đông khác	88.856.250.000	48,03	88.856.250.000	48,03
	185.000.000.000	100,00	185.000.000.000	100,00

5.20.3 Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.500.000	18.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.500.000	18.500.000
• Cổ phiếu phổ thông	18.500.000	18.500.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.500.000	18.500.000
• Cổ phiếu phổ thông	18.500.000	18.500.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

5.20.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận sau thuế 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 72/NQ-DMNT ngày 27 tháng 4 năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ	VND
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4,14%	807.355.410
Thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1%	195.000.000
Chia cổ tức cho các cổ đông	94,86%	18.500.000.000
		19.502.355.410

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**5.21.1 Tài sản thuê ngoài**

Tập đoàn thuê lại toàn bộ tài sản cố định đã chuyển nhượng cho Tổng Công ty cổ phần Phong Phú theo hợp đồng thuê số 109/2014/PPC-NT ngày 26 tháng 5 năm 2014, số 001/2016/PPC-NT ngày 04 tháng 01 năm 2016 và phụ lục 03/PP-NT ngày 26 tháng 8 năm 2016, bao gồm:

- Dây chuyền kéo sợi 4 vạn cọc;
- Dây chuyền kéo sợi Đồng Nam và thiết bị chuyển đổi cơ cấu mặt hàng thuộc Nhà máy sợi 3;
- Máy dệt kim thuộc Nhà máy dệt nhuộm;
- Dây chuyền kéo sợi Đồng Nam thuộc Nhà máy sợi 1 và Nhà máy sợi 2; và
- Các tài sản cố định thuộc Nhà máy sợi 1.

Tổng giá trị tài sản thuê:	305.497.712.100 VND.
Tiền thuê:	1.499.178.040 VND/ tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.21.2 Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	33.778,60	51.501,83
Euro (EUR)	2,86	2,86

5.21.3 Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	439.817.834	439.817.834

Nguyên nhân xóa sổ: Không tìm được đối tượng nợ

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	328.424.437.519	435.554.951.826
Doanh thu bán hàng hóa	82.813.319.811	81.913.181.356
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.951.579.434	5.016.955.322
Doanh thu thuần	424.189.336.764	522.485.088.504

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	204.504.664.041	293.371.833.714
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	13.646.537.078	25.768.044.103
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	-	27.098.475.023
Công ty cổ phần Dệt Đông Nam	63.048.514.058	-
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú	1.215.438.305	-
	282.415.153.482	346.238.352.840

6.2 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm	325.905.735.958	415.832.021.763
Giá vốn của hàng hóa	81.166.173.873	75.950.323.639
Giá vốn của dịch vụ	3.664.799.766	4.089.064.756
	410.736.709.597	495.871.410.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	36.482.586	90.935.703
Cổ tức, lợi nhuận được chia	500.000.000	1.427.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	390.107.175	838.109.852
	926.589.761	2.356.045.555

6.4 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	7.744.005.607	7.897.835.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá	670.192.037	315.025.748
Chi phí tài chính khác	-	55.330
	8.414.197.644	8.212.916.634

6.5 Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	1.408.016.239	1.679.790.491
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng hóa	1.044.364.941	2.028.335.001
Phí chứng từ, phí dịch vụ hải quan	333.595.760	532.999.489
Chi phí khác	741.359.886	1.012.231.183
	3.527.336.826	5.253.356.164

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	11.020.574.291	10.527.137.068
Chi phí khác	6.037.917.906	6.188.738.311
	17.058.492.197	16.715.875.379

6.7 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	2.315.108.249	8.142.508
Thu bồi thường bảo hiểm	12.500.000.000	-
Thu phạt vi phạm hợp đồng	1.923.125.000	4.708.916.987
Thu nhập khác	1.350	99.827.494
	16.738.234.599	4.816.886.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

6.8 Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thuế truy thu, nộp phạt	-	1.863.226
Chi phí khác	341.059	3.599
	341.059	1.866.825

6.9 Lãi trên cổ phiếu**6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.864.694.701	3.261.622.446
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi	(95.845.308)	(246.578.657)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.768.849.393	3.015.043.789
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	18.500.000	18.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	96	163

6.9.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	236.052.168.595	457.861.536.823
Chi phí nhân công	81.505.898.925	96.502.256.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.998.540.445	10.812.084.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.248.479.018	64.357.188.773
Chi phí khác bằng tiền	8.400.774.662	4.893.047.193
	393.205.861.645	634.426.113.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay	459.672.759.166	524.696.048.358
	459.672.759.166	524.696.048.358

7.2 Tiền trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay	375.750.961.863	412.701.668.315
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	514.999.998	515.099.998
	376.265.961.861	413.216.768.313

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các khoản vay có gốc ngoại tệ của Tập đoàn.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại tệ.

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tập đoàn có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/06/2017		31/12/2016	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.778,80	2,86	51.501,83	2,86
Phải thu ngắn hạn khách hàng	158.177,70	-	476.990,36	-
Phải trả người bán ngắn hạn	(191,73)	(4.741,05)	(191,73)	(4.741,05)
Vay và nợ thuê tài chính	(6.475.185,02)	-	(3.830.599,34)	-
	(6.283.420,45)	(4.738,19)	(3.302.298,88)	(4.738,19)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

USD	Thay đổi tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		USD	VND
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	+1	(62.834,20)	(1.430.734.836)
	-1	62.834,20	1.430.734.836
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	+1	(33.022,99)	(752.924.145)
	-1	33.022,99	752.924.145
EUR	Thay đổi tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		USD	VND
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	+1	(47,38)	(1.242.543)
	-1	47,38	1.242.543
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	+1	(47,38)	(1.148.158)
	-1	47,38	1.148.158

Rủi ro về giá

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2017			
Các khoản vay và nợ thuê TC	322.494.098.576	187.544.051.166	510.038.149.742
Phải trả người bán	93.543.449.381	-	93.543.449.381
Phải trả khác và chi phí phải trả	15.199.436.913	-	15.199.436.913
	431.236.984.870	187.544.051.166	618.781.036.036
Tại ngày 31/12/2016			
Các khoản vay và nợ thuê TC	265.362.213.330	161.426.991.755	426.789.205.085
Phải trả người bán	113.365.896.803	-	113.365.896.803
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.747.149.836	-	2.747.149.836
	381.475.259.969	161.426.991.755	542.902.251.724

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	197.536.696.558	186.281.836.802	197.536.696.558	186.281.836.802
<i>Phải thu khác</i>	14.956.565.730	24.427.766.237	14.956.565.730	24.427.766.237
<i>Tài sản tài chính dài hạn</i>	11.221.725.000	11.221.725.000	11.221.725.000	11.221.725.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	3.655.830.875	3.557.863.153	3.655.830.875	3.557.863.153
Tổng cộng	227.340.818.163	225.489.191.192	227.340.818.163	225.489.191.192
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ</i>	510.038.149.742	426.789.205.085	510.038.149.742	426.789.205.085
<i>Phải trả người bán</i>	93.543.449.381	113.365.896.803	93.543.449.381	113.365.896.803
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	15.179.936.913	2.747.149.836	15.179.936.913	2.747.149.836
Tổng cộng	618.761.536.036	542.902.251.724	618.761.536.036	542.902.251.724

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn thế chấp hàng tồn kho bao gồm thành phẩm và các vật tư; máy móc thiết bị và giá trị cổ phiếu của mình cho các khoản vay (Xem thuyết minh số 5.8 và 5.17).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản của bên thứ ba.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, tiền thưởng	1.062.420.480	1.017.212.328
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao và tiền thưởng	525.000.000	620.000.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	177.327.045.310	154.163.547.174
Bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	204.504.664.041	293.371.833.714
Cho thuê quyền sử dụng đất từ 01/07/2017 đến 01/09/2018	2.338.000.000	-
Mua tài sản	-	20.000.000
Thuê tài sản	8.984.681.392	14.940.154.408
Chi trả cổ tức	9.614.375.000	15.383.000.000
Phí thuê gian hàng hội chợ	160.169.011	-
Công ty cổ phần Dệt Đông Nam		
Bán hàng hóa và thành phẩm	63.048.514.058	27.098.475.023
Mua hàng hóa	-	10.000.941.800
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		
Mua hàng hóa	49.378.044.857	23.440.893.740
Bán hàng hóa và thành phẩm	13.646.537.078	25.768.044.103
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	1.923.125.000	3.017.260.000
Công ty cổ phần Xúc tiến TM & DT Phong Phú		
Mua hàng hóa	8.035.114.225	8.002.189.550
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Cung cấp dịch vụ	1.215.438.305	2.663.025.277
Chi trả cổ tức	124.232.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DET - MÁY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan khác

Số dư phải thu/ (phải trả) của Tập đoàn với các bên liên quan:

Bên liên quan/ Nội dung nghiệp vụ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.899.926.598	45.049.901.850
Phải thu tiền bán tài sản	80.526.818.222	80.526.818.222
Trả trước tiền thuê tài sản	1.295.667.704	11.339.707.298
Phải trả về mua bán hàng hóa	(49.928.910.383)	(71.273.143.379)
Lãi thuê tài sản phải trả	3.492.581.578	1.878.265.588
Cổ tức phải trả	(9.614.375.000)	-
Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Trà		
Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	864.902.256	864.902.256
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		
Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.115.220.988	10.115.220.988
Ứng tiền hàng	14.937.399.901	44.963.177.401
Phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	9.814.968.333	7.891.843.333
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú		
Phải trả về mua bán hàng hóa	(8.035.114.225)	(6.009.650.962)
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	427.420.473
Cổ tức phải trả	(124.232.000)	-
Công ty cổ phần Dệt Đông Nam		
Phải thu bán hàng	30.025.777.499	-

9.2 Cho thuê lại Quyền sử dụng đất

Tập đoàn cho Tổng Công ty cổ phần Phong Phú thuê lại quyền sử dụng đất theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 54-A1/DMNT-PP ngày 01/12/2015; và
- Hợp đồng số 55-A2/DMNT-PP ngày 01/09/2016.

Địa chỉ thửa đất: Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Diện tích thuê: 40.967,7 m².Diện tích bàn giao: 33.400 m².

Thời gian thuê: từ 01/12/2015 đến 29/08/2027

Đơn giá thuê lại: 6.250 VND/m²/tháng (áp dụng từ 01/12/2015 đến 31/12/2017)5.000 VND/m²/tháng (áp dụng từ 01/01/2017 đến 29/08/2027)

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê không thể hủy ngang như sau:

	30/06/2017 VND
Từ 1 năm trở xuống	2.004.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	7.014.000.000
Trên 5 năm	11.356.000.000
	20.374.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



HOÀNG THỊ ÁI KHANH
Người lập biểu



HỒ ĐẶNG NHƯ DUYÊN
Kế toán trưởng



VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2017

